

Số: 25/2022/QĐST-HNGĐ

Bình Sơn, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 162/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trần Thị Bích L, sinh năm 1989; nơi đăng lý hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Hiện cư trú tại: Số nhà X đường Y, thôn Z, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận

- Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn B, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích L và anh Lê Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 100/2014, quyển số 01/2014, ngày 18/9/2014. Quá trình sống chung, giữa chị L và anh Đ xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh chị thống nhất ly hôn và cùng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy việc chị Trần Thị Bích L và anh Lê Văn Đ cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình trạng hôn

nhân thực tế và quy định của pháp luật nên được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị Bích L và anh Lê Văn Đ xác định giữa anh chị có hai con chung, gồm: cháu Lê Trần Trọng K, sinh ngày 16/3/2015, hiện anh Đ đang chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Lê Trần Hoàng V, sinh ngày 28/4/2018, hiện chị L đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu K cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu V cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy chị Trần Thị Bích L và anh Lê Văn Đ thỏa thuận về việc nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích L và anh Lê Văn Đ thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung:

- Giao cháu **Lê Trần Trọng K**, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2015 cho anh Lê Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Giao cháu Lê Trần Hoàng V, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2018 cho chị Trần Thị Bích L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

1.3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Trần Thị Bích L và anh Lê Văn Đ mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002595 ngày 08/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.
(*đăng ký kết hôn số 100, ngày 18/9/2014*);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(*đã ký*)

Đoàn Kiều Trung